

Bản án số: 46/2018/HSST  
Ngày 14 - 8 - 2018

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Vân Anh

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Cao Thị Tâm

Bà Sùng Thị Dẻ

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Hồng Phúc – Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu tham gia phiên***  
***tòa:*** Bà Phạm Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 45/2018/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/HSST- QĐ ngày 31/7/2018 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: **Nguyễn Văn Q;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Sinh ngày: 15/5/1991, tại thành phố Hà Nội;

Nơi ĐKNKTT: Thôn A, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội; Chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ 16, phường P, thành phố C, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1965 và con bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1967; Vợ: Quách Thị H, sinh năm 1992 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/4/2018 đến ngày 27/4/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo: **Lê Văn L;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 07/5/1988, tại tỉnh Yên Bái; Nơi ĐKNKTT: Thôn Đ, xã Q, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ 24, phường Đ, thành phố C, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn Viện, sinh năm: 1957 và con bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1960; Vợ: Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1988 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2010;

Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/4/2018 đến ngày 27/4/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo: **Vũ Ngọc D;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1969, tại tỉnh Nam Định; Nơi ĐKNKTT: Đội 1, xã N, huyện H, tỉnh Nam Định; Chỗ ở trước khi bị bắt: bản S, xã N, thành phố C, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Vũ Xuân T, sinh năm: 1943 và con bà Nguyễn Thị B

(đã chết năm 2010); Vợ: Trần Thị K, sinh năm 1983 và 01 con sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/4/2018 đến ngày 27/4/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo: **Lù Văn S**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 15/5/1978, tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: bản T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Giáy; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lù A L (đã chết) và con bà Trần Thị T, sinh năm: 1950; Vợ: Đèo Thị C, sinh năm 1976 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/4/2018 đến ngày 27/4/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Bị cáo: **Lò Văn T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 15/8/1997, tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKNKTT: bản P, xã K, huyện H, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Phụ xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lò Văn D, sinh năm: 1973 và con bà Lò Thị X, sinh năm: 1976; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/4/2018 đến ngày 27/4/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

6. Bị cáo: **Nguyễn Văn N**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1992, tại tỉnh Yên Bái; Nơi ĐKNKTT: thôn T, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và con bà Đỗ Thị T, sinh năm: 1968; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/4/2018 đến ngày 27/4/2018 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

7. Bị cáo: **Trần Đình M**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1982, tại tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKNKTT: Tổ 31, phường K, thành phố C, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Đình T, sinh năm: 1956 và con bà Trần Thị M, sinh năm: 1956; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: có 01 tiền án Bản án số 16/2016/HSST ngày 26/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt Trần Đình M 02 năm 03 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 18, 52 Bộ luật hình sự xử phạt Trần Đình M 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội danh trên là 02 năm 06 tháng tù. Đến ngày 08/02/2018 bị cáo chấp hành xong hình phạt tính đến lần phạm tội này bị cáo mới chấp hành được 02 tháng 12 ngày, bị cáo chưa được xóa án tích; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/4/2018 đến ngày 27/4/2018 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng*: Chị Triệu Thị T, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.  
(Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Về hành vi phạm tội của bị cáo:*

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 20/4/2018, Nguyễn Văn Q, Vũ Ngọc D, Nguyễn Văn N đến uống nước tại quán của chị Triệu Thị T cạnh Bến xe khách tỉnh Lai Châu thuộc bản Tả Xin Chải 1, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Tại đây cả 3 rủ nhau đánh bạc trái phép ăn tiền bằng hình thức đánh ba cây. Cách chơi là lấy 36 quân bài từ A đến 9 trong bộ bài tú lơ khơ 52 quân, sau đó chia cho mỗi người 03 lá bài cộng điểm rồi so điểm với người cầm chương (người chia bài) nếu ai điểm cao hơn thì thắng, số tiền cược tối thiểu là 50.000đồng một ván bài, nếu người thắng được 09 hoặc 10 điểm thì người thua phải trả số tiền là 100.000đồng. Nếu những người chơi có số điểm bằng nhau thì so sánh theo chất có thứ tự từ lớn đến bé là rô, cơ, tép, bích. Khi tham gia đánh bạc Q có khoảng 900.000đồng, D có khoảng 1.200.000đồng, N có khoảng 1.360.000đồng. Đến khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày thì Lù Văn S mang 200.000đồng đến tham gia đánh bạc, khoảng 11 giờ cùng ngày thì Lê Văn L mang khoảng 7.500.000đồng đến tham gia đánh bạc. Khoảng 11 giờ 20 phút cùng ngày có Lò Văn T mang 600.000đồng đến tham gia đánh bạc, lúc sau có Trần Đình M đến lấy ghế ngồi sau T, được T nhờ cầm bài hộ. M đồng ý, T đưa tiền cho M (cả hai không rõ bao nhiêu), M bỏ chung vào số tiền 350.000đồng của mình để cùng đánh bạc. Lúc này Q hết tiền nên không chơi nữa nhưng vẫn ngồi xem những người còn lại đánh bài. Đến 11 giờ 40 phút cùng ngày thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu phát hiện bắt quả tang thu giữ số tiền 12.330.000 đồng của các bị cáo D, N, L, S, T, M dùng để đánh bạc và 36 quân bài tú lơ khơ từ quân A đến quân 9.

Khoảng 15 giờ 10 phút cùng ngày Nguyễn Văn Q đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu đầu thú về hành vi đánh bạc của mình.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Q, N, D, L, S, T, M đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

*Các vấn đề khác của vụ án:*

Việc các bị cáo đánh bạc tại quán nước của chị Triệu Thị T, chị T chỉ biết việc các bị cáo đánh bạc, không biết các bị cáo đánh bằng hình thức chơi ba cây được thua bằng tiền, nên chị T không đồng phạm với các bị cáo.

Bản cáo trạng số 26/CT- VKS ngày 03/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Vũ Ngọc D, Nguyễn Văn N, Lù Văn S, Lê Văn L, Lò Văn T, Trần Đình M về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo Q, D, S, L, T, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình

sự cho các bị cáo Q, D, M, áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo M, áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Q, S, L, T, D xử phạt:

Các bị cáo Q, D, T, S, L từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; Khấu trừ cho các bị cáo thời gian đã bị tạm giữ theo quy định của pháp luật, không khấu trừ thu nhập của các bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho UBND phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án; giao bị cáo Lê Văn L cho UBND xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án; giao bị cáo Vũ Ngọc D cho UBND xã Nậm Lông, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án; giao bị cáo Lù Văn S cho UBND phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án; giao bị cáo Lò Văn T cho UBND xã Pa Khóa, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án; Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã, phường nơi các bị cáo được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Đình M từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ 20/4/2018. Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo. Bị cáo N chưa chấp hành hình phạt của bản án số 33/2018/HSST ngày 29/5/2018, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của bản án mà bị cáo chưa chấp hành và hình phạt của bản án mới buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung đối với hai bản án.

Xử lý vật chứng áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc 12.330.000đồng; tịch thu, tiêu hủy 36 quân bài tú lơ khơ là công cụ phương tiện phạm tội theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại đối với bản cáo trạng của Viện Kiểm sát.

Tại lời nói sau cùng các bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo được cải tạo ở ngoài xã hội để giúp đỡ gia đình. Bị cáo N, M xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

\* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do

đó, các hành vi, quyết định tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

\* Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Trong khoảng thời gian từ 10 giờ 30 phút đến 11 giờ 40 phút ngày 20/4/2018 tại quán nước của chị Triệu Thị T ở cổng Bến xe khách tỉnh Lai Châu, thuộc bản Tả Xin Chải 1, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, Nguyễn Văn Q, Vũ Ngọc D, Nguyễn Văn N, Lù Văn S, Lê Văn L, Lò Văn T, Trần Đình M đã cùng rủ nhau đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh ba cây, thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu phát hiện bắt quả tang thu giữ tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 12.330.000đồng và 36 quân bài tú lơ khơ từ quân A đến quân 9.

Lời khai nhận của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Vũ Ngọc D, Nguyễn Văn N, Lù Văn S, Lê Văn L, Lò Văn T, Trần Đình M đều là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc đánh bạc là vi phạm pháp luật. Nhưng vì mục đích tư lợi các bị cáo vẫn thực hiện hành vi đánh bạc nhằm sát phạt, được thua bằng tiền. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự trị án trên địa bàn, hơn nữa còn ảnh hưởng đến nếp sống văn minh của nhân dân và là nguyên nhân gây ra nhiều loại tội, tệ nạn xã hội khác, xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng.

Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Vũ Ngọc D, Nguyễn Văn N, Lù Văn S, Lê Văn L, Lò Văn T, Trần Đình M cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Do đó, quan điểm truy tố của Viện kiểm nhân dân thành phố Lai Châu hoàn toàn có cơ sở, không oan sai, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

\* Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Vũ Ngọc D, Lù Văn S, Lê Văn L, Lò Văn T, không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt.

Bị cáo Nguyễn Văn N mặc dù không có tiền án nhưng nhân thân xấu vì ngày 19/6/2013 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, đến lần phạm tội này bị cáo đã được xóa án tích, ngoài ra trong thời gian bị cáo đang bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” (đối với hành vi bị cáo thực hiện ngày 21/01/2018) bị cáo lại thực hiện hành vi trái pháp luật là đánh bạc.

Bị cáo Trần Đình M có 01 tiền án tính đến lần phạm tội này chưa được xóa án tích, nhân thân xấu.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Vũ Ngọc D, Lù Văn S, Lê Văn L, Lò Văn T đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, cần áp dụng cho các bị cáo này hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s,i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo N, M trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, cần áp dụng cho bị cáo N, M hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Q đầu thú về hành vi tội của mình, bị cáo D có bố đẻ là

Vũ Xuân T được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen vì đã có thành tích tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bị cáo M có bố đẻ là Trần Đình T được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất vì vậy cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo Q, D, M.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo M thực hiện hành vi phạm tội khi chưa được xóa án tích vì vậy cần áp dụng điểm h (*h. Tái phạm*) khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo M. Các bị cáo khác không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều cùng thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của các bị cáo trong vụ án, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo Nguyễn Văn Q, Vũ Ngọc D, Lù Văn S, Lê Văn L, Lò Văn T ra khỏi đời sống xã hội mà có thể tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội tự cải tạo, sửa chữa sai lầm tại địa phương nhằm giáo dục, giúp đỡ bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo N, bị cáo M có nhân thân xấu vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải có hình phạt nghiêm khắc hơn đối với bị cáo N, bị cáo M, cách ly bị cáo N, M ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục các bị cáo, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Xét bị cáo Nguyễn Văn N tại bản án số 33/2018/HSST ngày 29/5/2018 Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu đã xử phạt bị cáo N 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 24/01/2018 đến ngày 02/02/2018, bị cáo còn phải chấp hành 01 (một) năm 11 (Mười một) tháng 20 (Hai mươi) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án. Bị cáo chưa chấp hành hình phạt của bản án trên, nên theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự Hội đồng xét xử cần tổng hợp hình phạt của bản án số 33/2018/HSST ngày 29/5/2018 và hình phạt của bản án mới buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung đối với hai bản án.

\* Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ mười triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, công việc và thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

\* Về vật chứng của vụ án:

Đối với số tiền 12.330.000 đồng Cơ quan điều tra thu giữ là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Xét 36 quân bài tú lơ khơ là công cụ các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

\* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*Vì các lẽ trên!*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ áp dụng áp khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo Q, D, S, L, T, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo Q, D, M, áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo M, áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Q, S, L, T, D. Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự đối với các bị cáo.

**1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q, Vũ Ngọc D, Lù Văn S, Lê Văn L, Lò Văn T, Nguyễn Văn N, Trần Đình M phạm tội “Đánh bạc”.**

#### **2. Về hình phạt:**

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q **06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 08 ngày tạm giữ, tương ứng với 24 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành **05** tháng **06** ngày cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo. Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho Ủy ban nhân dân phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn L **06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 08 ngày tạm giữ, tương ứng với 24 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành **05** tháng **06** ngày cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo. Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt bị cáo Vũ Ngọc D **06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 08 ngày tạm giữ, tương ứng với 24 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành **05** tháng **06** ngày cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo. Giao bị cáo D cho Ủy ban nhân dân xã Nậm Lông, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Nậm Lông, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt bị cáo Lù Văn S **06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 08 ngày tạm giữ, tương ứng với 24 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành **05** tháng **06** ngày cải tạo không giam giữ, miễn khấu

trừ thu nhập của bị cáo. Giao bị cáo S cho Ủy ban nhân dân phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn T **06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 08 ngày tạm giữ, tương ứng với 24 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành **05** tháng **06** ngày cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã Pa Khóa, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Pa Khóa, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt bị cáo Trần Đình M **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/4/2018.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N **06** (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp với phần hình phạt chung của bản án số 33/2018/HSST ngày 29/5/2018 Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu đã xử phạt bị cáo N **02** năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 24/01/2018 đến ngày 02/02/2018, bị cáo còn phải chấp hành **01** (một) năm **11** (Mười một) tháng **20** (Hai mươi) ngày tù. Hình phạt chung của hai bản án mà bị cáo N phải chấp hành là **02** (hai) năm **05** (năm) tháng **20** (Hai mươi) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/4/2018.

### **3. Về vật chứng của vụ án:**

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với số tiền 12.330.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy 36 quân bài tú lơ khơ

*(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 16 giờ 10 phút ngày 05/7/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lai Châu với Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Lai Châu).*

**4. Về án phí:** Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố Lai Châu;
- Chi Cục THADS thành phố;
- Công an thành phố Lai Châu;
- Các bị cáo;
- UBND phường Tân Phong, UBND xã Nậm Lông, UBND phường Đông Phong thành Phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;
- UBND xã Pa Khóa, Sìn Hồ, Lai Châu;
- UBND xã Minh Quân, Trấn Yên, Yên Bái;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**  
*(đã ký)*

**Hoàng Thị Vân Anh**

